

Bản án số: 10/2023/ HNGĐ - ST

Ngày 11-4-2023

Về việc “Ly hôn, tranh chấp

về nuôi con, nghĩa vụ tài sản khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà Trần Thị Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Khánh.
2. Bà Nguyễn Thị Kiều Hoanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Quỳnh Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Ngãi.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Mai - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 4 năm 2023, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện H, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 48/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2022 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, nghĩa vụ tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2023/QĐXXST – HNGĐ, ngày 09/3/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2023/QĐST-HNGĐ ngày 30/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện H, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị N, sinh năm 1988

Nơi đăng ký hộ khẩu: Thôn B, xã M, huyện H, tỉnh Quảng Ngãi

Chỗ ở hiện nay: Thôn P, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Ngãi

Chị Ngọc có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Anh Lê Diên L, sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn B, xã M, huyện H, tỉnh Quảng Ngãi

Anh L vắng mặt tại phiên tòa.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng A, địa chỉ: Số 02 đường H, phường C, quận Đ, thành phố Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T - Chức vụ Tổng Giám đốc; người đại diện theo ủy quyền của ông Tiết Văn T: Ông Nguyễn Vũ H - Giám đốc Ngân hàng A, tỉnh Quảng Ngãi, theo Quyết định số 2965/QĐ-NHNo-PC ngày 27/12/2019 của Tổng Giám đốc Ngân hàng A ; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phạm Thị N trình bày:

Chị và anh Lê Diên L có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện H, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 27/01/2015. Quá trình chung sống không được hạnh phúc, thường hay cãi nhau do bất đồng quan điểm. Từ năm 2020, chị đã đưa con về sinh sống tại nhà mẹ đẻ ở xã T, không chung sống với anh L nữa. Giữa năm 2022 chị N đã khởi kiện yêu cầu ly hôn anh L, Tòa án đã hòa giải, chị chấp nhận về đoàn tụ, nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện được, vì vậy nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh L không còn nữa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Diên L.

Về nuôi con: Chị và anh L có 1 người con là Lê Phạm Bảo K, sinh ngày 24/5/2017, hiện con đang ở với chị. Khi ly hôn, chị nhận trực tiếp nuôi dưỡng con Lê Phạm Bảo K, chị không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con, để tạo điều kiện cho anh L có khả năng trả nợ cho Ngân hàng.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Chị và anh L có nợ của Ngân hàng A số tiền nợ gốc là 70.000.000đồng và tiền lãi chị không biết cụ thể là bao nhiêu, vay năm 2021 có tín chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh L được cha mẹ tặng cho. Vào năm 2021 khi chị đang đi làm công nhân, còn anh L không có việc làm nên đã vay vốn của Ngân hàng là để anh L mở quán bán hàng, nhưng anh L mở quán chỉ được 3 tháng thì phải đóng cửa nên anh L không thu hồi vốn được, do đó chưa trả nợ cho Ngân hàng. Khi ly hôn, chị N yêu cầu anh L phải có nghĩa vụ trả toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi nêu trên cho Ngân hàng A vì anh L sử dụng số vốn này, chị không chịu nghĩa vụ trả nợ.

Tại Bản tự khai, Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và Biên bản hòa giải, bị đơn là anh Lê Diên L trình bày:

Việc anh kết hôn và có con với chị Phạm Thị N đúng như chị N trình bày. Quá trình chung sống đã xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau. Nay chị Phạm Thị N yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý ly hôn chị Phạm Thị N.

Về nuôi con: Anh và chị N có 1 người con là Lê Phạm Bảo K, sinh ngày 24/5/2017, hiện con đang ở với chị. Khi ly hôn, anh nhận trực tiếp nuôi dưỡng con Lê Phạm Bảo K, anh không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có

Về nợ chung: Anh và chị N có nợ của Ngân hàng A số tiền nợ gốc là 70.000.000đồng và tiền lãi anh không biết cụ thể là bao nhiêu, vay năm 2021 có tín chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh được cha mẹ tặng cho anh. Khi ly hôn, anh nhận có nghĩa vụ trả toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi nêu trên cho Ngân hàng A, chị N không phải trả nợ.

Theo các tài liệu có tại hồ sơ, đại diện theo ủy quyền của Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng A trình bày:

Vào ngày 16/12/2021 anh Lê Diên L và chị Phạm Thị N có vay vốn của Ngân hàng A, sau đây viết tắt là A, theo Hợp đồng tín dụng số 4503LAV202103259, thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày 16/12/2021, số tiền vay 70.000.000đồng, lãi suất 11%/ năm, vay tín chấp theo Nghị định 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.

Tính đến ngày 11/4/2023 anh L và chị N còn nợ của A số nợ gốc là 70.000.000đồng và nợ lãi là 2.130.685 đồng.

Nay Ngân hàng A yêu cầu chị N, anh L thực hiện nghĩa vụ trả toàn bộ số nợ gốc là 70.000.000đồng và nợ lãi cho Ngân hàng A theo Hợp đồng tín dụng 4503LAV202103259 cho đến khi tất toán. Nếu anh L và chị N không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì yêu cầu Tòa án tuyên phát mại tài sản thuộc sở hữu của anh L và chị N để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản không đủ trả nợ thì anh L và chị N phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng A cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 8, Điều 9, Điều 37, Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 463, Điều 466, Khoản 2 Điều 470 của Bộ luật dân sự, khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức tín dụng năm 2010, Điều 12 Luật Ngân hàng Nhà nước năm 2010; khoản 6, 7 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tuyên xử: Ghi nhận thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị N và anh Lê Diên L; Giao cho chị Phạm Thị N trực tiếp nuôi dưỡng con tên là Lê Phạm Bảo K, sinh ngày 24/5/2017, anh Lê Diên L chưa phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung: Các đương sự đều trình bày là không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: buộc chị N và anh L mỗi người phải có nghĩa vụ trả 1/2 số nợ gốc là 70.000.000đồng và nợ lãi cho Ngân hàng A theo Hợp đồng tín dụng 4503LAV202103259, ghi nhận sự tự nguyện của anh Lê Diên L về việc anh L nhận trả nợ thay ½ tổng số nợ mà chị N có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng A; chị N và anh L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Phạm Thị N khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con, nghĩa vụ tài sản khi ly hôn đối với anh Lê Diên L, anh L có nơi đăng ký hộ khẩu và cư trú ở xã M, huyện H, tỉnh Quảng Ngãi, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Chị Phạm Thị N và anh Lê Diên L có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện H, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 27/01/2015, nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị Phạm Thị N có yêu cầu ly hôn nên Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi đã thụ lý là đúng quy định tại khoản 1 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Bị đơn anh Lê Diên L đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, nhưng anh L không thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình, tại phiên tòa ngày 30/3/2023 anh Lê Diên L vắng mặt lần thứ nhất, nên căn cứ Khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa ngày 11/4/2023, anh Lê Diên L vắng mặt lần thứ hai không có lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn anh Lê Diên L.

[4] Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng A.

[5] Qua lời trình bày của các đương sự và các tài liệu chứng cứ đã thu thập được, Hội đồng xét xử nhận thấy: Quá trình chung sống giữa chị N và anh L đã xảy ra mâu thuẫn, anh, chị không còn chung sống. Nay chị Phạm Thị N yêu cầu giải quyết ly hôn, nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa chị N và anh L không còn, anh, chị không còn chung sống, không quan tâm, chăm sóc đến nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, tại Biên bản hòa giải ngày 06/3/2023 anh Lê Diên L và chị Phạm Thị N đều thống nhất thuận tình ly hôn, nhưng tại phiên tòa anh L vắng mặt, vì vậy Hội đồng xét xử giải quyết cho chị Phạm Thị N ly hôn anh Lê Diên L là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[6] Về nuôi con: Chị N và anh L có 1 người con là Lê Phạm Bảo K, sinh ngày 24/5/2017, hiện con đang ở với chị N.

Chị N trình bày khi ly hôn, chị nhận trực tiếp nuôi dưỡng con Lê Phạm Bảo K và anh L cũng nhận trực tiếp nuôi dưỡng con Lê Phạm Bảo K, chị N và anh L đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử nhận thấy, tính đến ngày xét xử cháu Lê Phạm Bảo K được 5 tuổi 10 tháng 6 ngày, cháu K còn nhỏ nên rất cần sự gần gũi, chăm sóc của người mẹ, thời gian qua cháu K đang sinh sống ổn định với mẹ là chị N, tại phiên tòa chị N đã nộp bổ sung tài liệu, chứng cứ chứng minh chị có đủ điều kiện vật chất để trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con, vì vậy, trên cơ sở bảo đảm quyền lợi chính đáng cả về vật chất cũng như tinh thần cho cháu Lê Phạm Bảo K, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N, giao cháu Lê Phạm Bảo K cho chị Phạm Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 81, khoản 1 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[7] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Phạm Thị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, chị N có chứng cứ chứng minh hiện nay chị có thu nhập để đảm bảo việc nuôi dưỡng con. Quá trình nuôi dưỡng con, nếu có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con thì chị Phạm Thị N có quyền khởi kiện theo quy định của pháp luật. Tại thời điểm này chị Phạm Thị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên anh Lê Diên L không phải cấp dưỡng nuôi con.

[8] Về tài sản chung: Chị Phạm Thị N và anh Lê Diên L đều trình bày về tài sản chung không có, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về nghĩa vụ tài sản (nợ chung):

Anh Lê Diên L, chị Phạm Thị N và Ngân hàng A đều xác nhận anh Lê Diên L và chị Phạm Thị N có vay vốn của Ngân hàng A, theo Hợp đồng tín dụng số 4503LAV202103259 ngày 16/12/2021, thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày 16/12/2021, số tiền vay 70.000.000đồng, lãi suất 11%/năm, A khởi kiện yêu cầu anh L và chị N phải có nghĩa vụ trả nợ cho A.

Tại Bản tự khai, Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, anh L đều nhận anh là người thực hiện nghĩa vụ trả toàn bộ số nợ gốc là 70.000.000đồng và nợ lãi cho Ngân hàng A theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 4503LAV202103259 ngày 16/12/2021 cho đến khi tất toán; Tại Biên bản hòa giải ngày 06/3/2023 các đương sự đã thống nhất được việc anh Lê Diên L có nghĩa vụ trả toàn bộ số nợ gốc là 70.000.000đồng và nợ lãi cho Ngân hàng A theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 4503LAV202103259 ngày 16/12/2021 cho đến khi tất toán, xét thấy sự tự nguyện của anh Lê Diên L về việc nhận trả toàn bộ khoản nợ và sự thỏa thuận của các đương sự không trái với quy định tại Điều 37, Điều 60 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự, Điều 12 Luật ngân hàng nhà nước, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, vì vậy Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của anh Lê Diên L về việc anh Lê Diên L có nghĩa vụ toàn bộ số nợ gốc là 70.000.000đồng và nợ lãi tính đến ngày 11/4/2023 là 2.130.685 đồng cho Ngân hàng A, anh Lê Diên L tiếp tục trả lãi theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 4503LAV202103259 ngày 16/12/2021 cho đến khi tất toán.

[10] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hành về việc giải quyết về vấn đề hôn nhân, nuôi con, tài sản chung và nghĩa vụ tài sản giữa chị Phạm Thị N và anh Lê Diên L là đúng quy định của pháp luật.

[11] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Phạm Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Anh Lê Diên L phải chịu án phí đối với phần nghĩa vụ tài sản với bên thứ ba làm tròn số là 3.607.000đồng [(70.000.000đồng nợ gốc +2.130.685đồng nợ lãi) x 5% = 3.606.534đồng], theo quy định tại khoản 6 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là Ngân hàng A, được chấp nhận nên không phải chịu án phí, vì vậy hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng A.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357, Điều 463, Điều 466, Khoản 2 Điều 470 của Bộ luật dân sự, Điều 12 Luật ngân hàng nhà nước, Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, Điều 37, khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 60 Khoản 1 và khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Giải quyết cho chị Phạm Thị N ly hôn anh Lê Diên L.

2. Về nuôi con: Giao con tên là Lê Phạm Bảo K, sinh ngày 24/5/2017 cho chị Phạm Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, anh Lê Diên L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng A, ghi nhận sự tự nguyện của anh Lê Diên L về việc anh Lê Diên L nhận trả cho Ngân hàng A toàn bộ nợ gốc là 70.000.000đồng (Bảy mươi triệu đồng) và nợ lãi tính đến ngày 11/4/2023 là 2.130.685 đồng (Hai triệu một trăm ba mươi ngàn sáu trăm tám mươi lăm đồng), tổng cộng 72.130.685đồng (Bảy mươi hai triệu một trăm ba mươi ngàn sáu trăm tám mươi lăm đồng), theo Hợp đồng tín dụng số 4503LAV202103259 ngày 16/12/2021.

Kể từ ngày 12/4/2023, anh Lê Diên L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 4503LAV202103259 ngày 16/12/2021 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hồ sơ vay vốn, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà anh Lê Diên L phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Phạm Thị N phải nộp 300.000 đồng án phí về ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001664 ngày 15/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Quảng Ngãi, chị Phạm Thị N đã nộp đủ án phí.

- Anh Lê Diên L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với phần nghĩa vụ tài sản với bên thứ ba là 3.607.000đồng.

- Hoàn trả lại cho Ngân hàng A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.773.000đồng đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001700 ngày 02/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Quảng Ngãi.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND xã M;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

(Đã ký)

Trần Thị Thanh Bình